TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ - ST
Ngày 01/8/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Ngọc Ánh và Ông: Ngô Trung Tính

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên toà: Ông Bùi Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023; giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị D**, sinh ngày 05/4/1993 - Có mặt

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh ngày 16/6/1986 - Có đơn xin vắng mặt

Đều cư trú: Xóm M, xã K, huyện V, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/6/2010, tại UBND xã K. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục anh chị không còn chung sống từ tháng 12 năm 2022, chị thấy hôn nhân giữa chị và anh T không có hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu tôn trọng nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn T.

- *Về con chung:* Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 21/4/2010, sau khi ly hôn chị Bùi Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có

* *Anh Bùi Văn T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Bùi Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/6/2010 tại UBND xã K, vợ chồng anh chị mâu thuẫn như chị Bùi Thị D trình bày là đúng, anh mong chị D cho anh cơ hội để sửa chữa sai lầm, anh không muốn ly hôn, mong muốn chị D đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi con.

- *Về con chung:* Anh trình bày vợ chồng anh chị có 01 con chung Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 21/4/2010 nếu ly hôn anh xin nuôi con, chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị D giữ nguyên yêu cầu, chị không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/7/2023 anh Bùi Văn T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục Tố tụng:*

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến 97 BLTTDS; trình tự thụ lý giao thông báo thụ lý vụ án cho VKS và đương sự đúng quy định tại Điều 195 và 196 BLTTDS; quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của HĐXX, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử *(HĐXX)* chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị Diệu, xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Giao con Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 21/4/2010 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi

dưỡng; anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề cập; Về án phí đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn là anh Bùi Văn T hiện đang cư trú tại xóm B, xã K, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn T, anh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ anh có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung:* Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:*

+ Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/6/2010, tại UBND xã K, huyện V, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm không tôn trọng nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục anh chị không còn chung sống từ tháng 12 năm 2022, chị thấy hôn nhân giữa chị và anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn Tỵ.

+ Ý kiến của anh Bùi Văn T, vợ chồng anh chị mâu thuẫn như chị Bùi Thị D trình bày là đúng, anh mong chị D cho anh cơ hội để sửa chữa sai lầm, anh không muốn ly hôn, mong muốn chị D đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành Hòa giải 02 lần, mục đích hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Bùi Thị D vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn Tỵ, trong thời gian giải quyết

vụ án anh T mặc dù mong muốn chị D về đoàn tụ, nhưng anh T không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, để vợ chồng tiếp tục duy trì hôn nhân. Như vậy ý kiến xin đoàn tụ của anh T là không có căn cứ. HĐXX không chấp nhận ý kiến của anh, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng, giữa chị D và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị D, xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn T, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Xác nhận anh chị có 01 con chung cháu Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 21/4/2010 chị D và anh T đều đề nghị sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hiện tại cháu H đang sinh sống cùng chị D, ý kiến của cháu bố mẹ ly hôn cháu đề nghị được sinh sống cùng chị D. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị D, giao cháu Huyền cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có yêu cầu mới, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Bùi Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Bùi Thị Thanh H sinh ngày 21/4/2010 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con; anh Bùi Văn T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Khi có thay đổi chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T, có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Tài sản chung, công nợ chung:* Không có.

4. *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Bùi Thị D phải chịu án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, chị D được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) theo biên lai thu số 0005310 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Kim Bôi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Quang Dự